TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 26-02-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Phúc;

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên toà: Ông Lê Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 tại tỉnh Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Liên hiệp 1B, phường T, thành phố Q, tỉnh Q; Nơi cư trú: 80/12/199 Dương Quảng Hàm, Phường N, quận G, Thành phố H; Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị H; Hoàn cảnh gia đình: tại phiên toà bị cáo khai có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/10/2011, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 16/6/2015, Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 tại Thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 521/88/1 Cách Mạng Tháng 8, Phường B, Quận M, Thành phố H; Nơi cư trú: 521/88/1 Cách Mạng Tháng 8, Phường B, Quận M, Thành phố H; Nghề nghiệp: Chạy xe công nghệ; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H; Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/10/1997, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Ngày 10/01/2012, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 20/4/2015, Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; Ngày 17/01/2017, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Thanh T1, sinh năm 1983 tại tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp N, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: ấp N, xã M, Huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn A và bà Lê Thị B; Hoàn cảnh gia đình: có 01 người con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 2004; Địa chỉ: 52/32A Huỳnh Văn Nghệ, Phường M, quận T, Thành phố H. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1979; Địa chỉ: 57/1 Nguyễn An Ninh, Phường H, thành phố M, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 02/7/2024, Nguyễn Văn T nhận được điện thoại của 01 người bạn xã hội tên G (không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại 0973577515) rủ T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Sau đó, T sử dụng số điện thoại 0933353851 gọi điện cho Nguyễn Văn Đ và nói với Đ là đang đi tìm xe máy để trộm cắp, khi nào lấy trộm được xe thì sẽ bán cho Đ thì Đ đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, G điều khiển xe máy hiệu Suzuki Satria (không rõ biển số) đến đường ray xe lửa trên đường Lương Ngọc Quyến, quận G để đón T và đưa xe máy cho T điều khiển chở G đi tìm tài sản trộm cắp, khi đi T mang theo 01 tua vít dẹp để trong túi quần. Khi đến trước cửa hàng tiện lợi GS25 tại số 520 Cách Mạng Tháng 8, Phường M, Quận B, G phát hiện 01 xe máy hiệu Wave alpha màu trắng, biển số 63C1-244.16 của anh Phạm Ngọc H đang dựng trước cửa hàng, không có người trông coi nên đã chỉ cho T. Lúc này, T điều khiển xe máy dừng xe trước số 623 Cách Mạng Tháng 8, Phường N, Quận M rồi xuống xe đi bộ đến chỗ để xe máy của anh H, dùng tua vít chuẩn bị từ trước bẻ khóa xe rồi lên xe tẩu thoát. Trên đường đi, T gọi điện thoại hẹn Nguyễn Văn Đ tại công viên đường C, chung cư P, Phường N, Quận M để bán xe máy hiệu Wave alpha màu trắng, biển số 63C1-

244.16 mới trộm cắp được. Đến 22 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe máy hiệu Daehan, biển số 59U2-480.81 đến điểm hẹn và đồng ý mua xe máy trộm cắp trên với giá 4.000.000 đồng rồi đem xe gửi tại lô 3C, chung cư P, Phường N, Quận M, số tiền bán xe, T và G chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/7/2024, Đ gọi điện thoại cho 01 người đàn ông tên R (không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại 0388203329) hỏi có mua xe máy máy hiệu Wave alpha màu trắng, biển số 63C1-244.16 mới trộm cắp được không thì R đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, R gọi điện thoại cho Đặng Thanh T1, sử dụng số điện thoại 09068228059 để thuê T chở người của R đi gặp Đ lấy xe máy chạy về Campuchia. T1 biết rõ R là người Campuchia cH1ên tiêu thụ xe máy trộm cắp từ Việt Nam đưa qua Campuchia, nhưng do bận việc nên T1 nói với R để cháu rể của T1 là Trà Thanh H1 đi thế thì R đồng ý. R đưa số điện thoại 0909449974 của Đ cho T1, đồng thời T1 đưa điện thoại di động của T1 (sử dụng số điện thoại 0906828059) cùng số điện thoại của Đ cho H1 để tiện liên lạc với R và Đ. Khoảng 08 giờ ngày 04/7/2024, H1 cùng 01 người đàn ông là người của R đi trên 02 xe máy (không rõ loại xe, biển số) từ tỉnh L lên Thành phố H để gặp Đ tại vòng xoay Đ, Quận M. Tại đây, Đ đồng ý bán xe máy hiệu Wave alpha màu trắng, biển số 63C1-244.16 cho người đàn ông trên với giá 5.000.000 đồng rồi chở H1 đến lô 3C, chung cư P, Phường N, Quận M để lấy xe. Sau khi lấy xe máy, H1 và người đàn ông trên bỏ đi. Đến khoảng 14 giờ ngày 04/7/2024, H1 về đến nhà T1 tại ấp B , xã M, huyện Đ, tỉnh L trả điện thoại cho T1 sau đó đi đâu không rõ.

Qua truy xét, ngày 12/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B đã tiến hành bắt giữ Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Đặng Thanh T1.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Đặng Thanh T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50 ngày 19/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận B kết luận: Xe máy hiệu Honda Wave, dung tích 109cc, màu trắng đen bạc, biển số 63C1-244.16, số khung 3911LY150252, số máy JA39E1488160 tại thời điểm tháng 7/2024 trị giá 12.667.000 đồng.

* Vật chứng vụ án gồm có:

- Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 bộ quần áo màu đen đã qua sử dụng, 01 đôi giày màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357723108229259, số IMEI 2: 357723108229267.

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9T, số IMEI 1: 861743056903647/06, số IMEI 2: 861743056903654/06, máy đã qua sử dụng, 01 xe máy kiểu Spacy 125, màu trắng, biển số 59U2-480.81, xe đã qua sử dụng, số máy DGE3002144, số khung VDMPCJ0042M002144 do Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sở hữu.

- Thu giữ của Đặng Thanh T1: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, số IMEI: 355862/01/602079/8, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình phía trước bị nứt nhiều chỗ, máy đã qua sử dụng, 01 đôi dép nhựa màu trắng đã qua sử dụng, 01 quần Jeans màu xanh đã qua sử dụng.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B đang tạm giữ các vật chứng trên.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Ngọc H yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSQ3 ngày 14 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; Đặng Thành T1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Đối với bị cáo Đặng Thanh T1: Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Thanh T1 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về xử lý vật chứng: Xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Đặng Thanh T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ: Vào ngày 02/7/2024, tại trước số 520 Cách Mạng Tháng 8, Phường M, Quận B, Nguyễn Văn T cùng với 01 người đàn ông tên G (chưa rõ lai lịch) có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe gắn máy hiệu Wave Alpha màu trắng, biển số 63C1-244.16, trị giá 12.667.000 đồng của anh Phạm Ngọc H. Do đã thỏa thuận từ trước với Nguyễn Văn Đ về việc tiêu thụ xe máy sau khi trộm cắp được nên T đã bán xe máy trên cho Đ với giá 4.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận B truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với Đặng Thanh T1: Sau khi mua tài sản trộm cắp của Nguyễn Văn T, Đ đã liên hệ với đối tượng tên R (chưa rõ lai lịch) thoả thuận bán lại xe máy biển số 63C1-244.16 giá 5.000.000 đồng. Đặng Thanh T1 là người được đối tượng tên R thuê để chở người của R lên Thành phố H lấy xe mà Đ bán cho R. Do bận việc nên T1 đã nhờ cháu của mình là Trà Thanh H1 chở người của R lên lấy xe. Tuy hiện nay chưa bắt được đối tượng tên R và Trà Thanh H1 nhưng căn cứ dữ liệu camera ghi hình thì Nguyễn Văn Đ và Đặng Thanh T1 xác định được người thanh niên trong bản ảnh là người đi cùng với Đ đến bãi xe chung cư P, Phường N, Quận M để lấy xe mang về cho R là Trà Thanh H1. Mặc khác, lời khai của T1 và Đ còn phù hợp tình tiết khách quan của vụ án là trước đó T1 và Đ không quen biết nhau nhưng do R cho số điện thoại của Đ nên Đặng Thanh T1 đã gọi điện cho Đ trước, sau đó đưa đưa điện thoại di động hiệu Nokia 1280 mà T1 sử dụng số 0906828059 và số điện thoại của Đ cho Trà Thanh H1 để H1 liên lạc với Đ lấy xe. Tại phiên toà, Đặng Thanh T1 xác định biết xe mô tô mà R thuê mình mang về là tài sản do phạm tội mà có, trong quá trình điều tra bị cáo không bị ép cung hay dùng nhục hình, lời khai và bản khai của bị cáo viết là đúng sự thật. Từ những phân tích nêu trên hành vi của Đặng Thanh T1 đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận B truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến

tình hình trật tự, trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau:

[4.1] Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ: các bị cáo phạm tội có dự mưu từ trước, tuy không có tiền án, tiền sự nhưng là những đối tượng có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo để có mức án tương xứng. Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[4.2] Đối với Đặng Thanh T1: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh lai lịch đối tượng tên Hùng đã cùng Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 02/7/2024 và đối tượng tên R và người của R là người tiêu thụ xe máy do T và Đ thực hiện hành vi trộm cắp, khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[6] Đối với Trà Thanh H1 đã dẫn người của R từ tỉnh L lên Thành phố H để mua bán xe máy trộm cắp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận B đã ra Quyết định truy tìm đối với H1, đồng thời ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 2855 ngày 08/10/2024 để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Phạm Ngọc H yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đồng ý mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh H số tiền là 6.000.000 đồng. Xét, thoả thuận bồi thường của các bị cáo là phù hợp quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với trang phục thu giữ của các bị cáo gồm quần áo, giày dép không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

[9.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen thu giữ của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9T và 01 xe máy kiểu Spacy 125, màu trắng, biển số 59U2-480.81 thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 thu giữ của Đặng Thanh T1 có liên quan đến vụ án nên tịch thu các vật chứng trên sung ngân sách nhà nước.

[9.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình phía trước bị nứt nhiều chỗ, máy đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Thanh T1 không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Đặng Thanh T1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt: Đặng Thanh T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2024.

4. Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ quần áo màu đen, đôi giày màu đen, 01 đôi dép nhựa màu trắng, 01 quần dài Jeans màu xanh (tất cả đã qua sử dụng).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357723108229259, Số IMEI 2: 357723108229267; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 9T, số IMEI 1: 861743056903647/06, số IMEI 2: 861743056903654/06, máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, số IMEI: 355862/01/602079/8 và 01 xe gắn máy kiểu Spacy, biển số 52U2-480.81, xe đã qua sử dụng, số máy: DGE3002144, số khung: VDMPCJ0042M002144.

Trả lại cho Đặng Thanh T1 01 điện thoại di động hiệu Samsung màn hình phía trước bị nứt nhiều chỗ, máy đã qua sử dụng.

(theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30/10/2024 tại kho vật chứng của Công an Quận B)

5. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ mỗi người phải bồi thường cho anh Phạm Ngọc H số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày anh Phạm Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

7. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Công an Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Thi hành án hình sự Quận 3;
- Lưu VP - hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nhật Minh